



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

Số: 2026/NQ-HĐND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ thăm hỏi, hỗ trợ điều trị bệnh đối với cán bộ thuộc diện
Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 51/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám
bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo
hiểm y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ
Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y
tế;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chế độ thăm hỏi, hỗ trợ điều trị bệnh đối với
cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo
cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã
hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại
kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ thăm hỏi, hỗ trợ điều
trị bệnh đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh
Cà Mau.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ thăm hỏi, hỗ trợ điều trị bệnh đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*kể cả nguyên chức*), gồm:

1. Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

2. Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị-xã hội tỉnh; Thư ký các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bí thư Tỉnh ủy.

3. Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Bí thư chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh (*không là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*), Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh, Bí thư Đảng ủy xã, phường và tương đương.

4. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và tương đương.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích; bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh hằng năm; không để trùng lặp với các chế độ, chính sách khác mà đối tượng đã được hưởng (*trừ chế độ phúc lợi được hưởng từ nguồn kinh phí tự chủ hoặc từ nguồn Quỹ phúc lợi của từng cơ quan, đơn vị*); không sử dụng kinh phí hỗ trợ vào mục đích khác hoặc chi cho các khoản không đủ điều kiện hỗ trợ.

2. Hỗ trợ dựa trên chi phí phát sinh thực tế sau khi đã được cơ quan bảo hiểm y tế và các nguồn khác chi trả; mức hỗ trợ xác định theo nhóm đối tượng và tình trạng bệnh.

3. Không thực hiện hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong các trường hợp sau: Khám bệnh, chữa bệnh không có chỉ định chuyên môn của cơ sở y tế; Điều trị tại cơ sở y tế không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động; Các khoản chi phí điều trị mang tính thẩm mỹ, chăm sóc sức khỏe không nhằm mục đích điều trị bệnh. Không hỗ trợ các chi phí không hợp pháp hoặc vượt quy định pháp luật.

4. Trường hợp cán bộ đã nghỉ hưu và chuyển nơi cư trú do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định việc áp dụng chế độ hỗ trợ.

5. Trong cùng chế độ, chính sách, cán bộ có nhiều chức danh, chức vụ khác nhau thì thực hiện chế độ, chính sách cho chức danh, chức vụ cao nhất.

Điều 4. Điều kiện thực hiện thăm hỏi và hỗ trợ điều trị bệnh

1. Điều kiện thăm hỏi

Việc thăm hỏi đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được thực hiện khi điều trị bệnh nội trú tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

2. Điều kiện hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh

Việc hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này khi khám, chữa bệnh ngoại trú, điều trị nội trú khi mắc các bệnh hiểm nghèo đến khám và điều trị tại cơ sở y tế công lập hoặc ngoài công lập, trong hoặc ngoài tỉnh theo đúng quy định.

3. Việc thăm hỏi do Thường trực Tỉnh ủy thực hiện; trường hợp cần thiết, Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền cho cơ quan tham mưu, giúp việc thực hiện theo quy định.

Điều 5. Mức thăm hỏi, hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh

1. Mức thăm hỏi:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, mức chi 4.000.000 đồng/người/lần.

b) Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này, mức chi 3.000.000 đồng/người/lần.

c) Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này, mức chi 2.000.000 đồng/người/lần.

d) Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này, mức chi 1.000.000 đồng/người/lần.

2. Hỗ trợ chi phí đồng chi trả và tiền mua thuốc ngoài danh mục bảo hiểm y tế thanh toán khi khám, chữa bệnh ngoại trú

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí đồng chi trả và tiền mua thuốc ngoài danh mục bảo hiểm y tế thanh toán khi khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần khám.

3. Mức hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này bị bệnh hiểm nghèo (*thuộc danh mục do Bộ Y tế quy định*) khi điều trị được xem xét hỗ trợ phần ngoài bảo hiểm y tế thanh toán và các nguồn khác thuộc ngân sách nhà nước được hỗ trợ như sau:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, mức chi hỗ trợ không quá 80%/người.

b) Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này, mức hỗ trợ không quá 70%/người.

c) Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này, mức hỗ trợ không quá 60%/người.

d) Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này, mức hỗ trợ không quá 50%/người.

4. Tổng mức hỗ trợ đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này không vượt quá 100.000.000 đồng/người/năm. Trường hợp chi phí điều trị cao sử dụng thuốc mới, căn cứ kết luận y khoa và thẩm định của Hội đồng chuyên môn, được xem xét hỗ trợ vượt mức, nhưng không quá 150.000.000 đồng/người/năm.

Điều 6. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách địa phương cấp tỉnh, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của tỉnh Cà Mau theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác gồm nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có); Quỹ chăm sóc sức khỏe cán bộ (nếu có thành lập theo quy định của pháp luật và được phép sử dụng); Các nguồn bổ sung hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm 2026.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH